TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2024
V/V "Ly hôn giữa bà H và ông G, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Hữu Quang.
Ông Võ Văn Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngọc H. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn G. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024 và tại biên bản không hòa giải được ngày 06/5/2024 bà Phan Thị Ngọc H là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Lê Văn G chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Phan Gia H1; Lê Phan Đoan T. Hiện 02 con chung tên Gia H1, Đoan T đang sống với bà, ông G, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bảng tự khai ngày 13/5/2024 ông G là bị đơn trình bày: Ông và bà H chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn, trước yêu cầu ly hôn của bà H thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Phan Gia H1; Lê Phan Đoan T. Hiện 02 con chung tên Gia H1, Đoan T đang sống với bà H, ông G, ông đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà H yêu cầu ly hôn với ông G được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông G vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông G có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản không hòa giải được ngày 06/5/2024 bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông G. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà H và ông G không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu ly hôn với ông G, ông G đồng ý ly hôn nhưng ông G không có mặt để Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định nên Tòa án không tiến hành lập biên bản hòa giải thành và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông G theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông G.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Phan Gia H1; Lê Phan Đoan T. Hiện 02 con chung tên Gia H1, Đoan T đang sống với bà H, ông G. Khi ly hôn bà H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét cháu Gia H1, Đoan T hiện đang sống cùng với bà H, ông G từ trước cho đến nay, ông G đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên cần giao hai con chung cho bà H tiếp tục nuôi 02 con chung của bà H là phù hợp nguyện vọng của bà H và nguyện vọng của Gia H1 nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị Ngọc H ly hôn với ông Lê Văn G.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Phan Gia H1; Lê Phan Đoan T.

Giao con chung tên Lê Phan Gia H1; Lê Phan Đoan T cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng con chung (hiện do bà H, ông G nuôi dưỡng), ông G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008702 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Dương Xuân Hội;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

(Đã ký)

Nguyễn Bảo Trí